

CBCC

SD&CC

# Biến đổi khí hậu tại Việt Nam: NỖ LỰC VÀ KỶ VỌNG



Empowered lives.  
Resilient nations.

Tháng 11 - 2011

Tài liệu này do Viện Quản lý Chính sách Oxford (OPM) và Viện Quản lý và Phát triển Châu Á (AMDI) thực hiện, trong khuôn khổ dự án Tăng cường năng lực quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu tại Việt Nam (CBC), nhằm giảm nhẹ tác động và kiểm soát phát thải khí nhà kính, và dự án Tăng cường năng lực lồng ghép phát triển bền vững và biến đổi khí hậu trong công tác lập kế hoạch (SD&CC). Tài liệu được xây dựng dựa trên các cuộc phỏng vấn và ý kiến của một số quan chức Chính phủ, thông tin và nhận xét của các chuyên gia Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP). Nhóm tác giả đánh giá cao những đóng góp trên. Tuy nhiên, những quan điểm được trình bày trong tài liệu này đều là ý kiến của các tác giả và không đại diện cho ý kiến của Chính phủ Việt Nam hay của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc.

Các tên gọi và cách trình bày tư liệu trên các bản đồ trong tài liệu không hàm ý thể hiện bất cứ ý kiến nào của Ban Thư ký của Liên Hợp Quốc hay của UNDP về tư cách pháp lý của bất kỳ quốc gia, lãnh thổ, thành phố hoặc khu vực nào, hoặc của các nhà chức trách ở những nơi đó về việc xác định biên giới hay gianh giới của chúng.

Ảnh: @ Liên Hợp Quốc tại Việt Nam/2010/Aidan Dockery; UNDP/Viet Nam/2009 Doan Bao Chau; UNDP/Viet Nam/2011/Vu Quang Dang; AMDI/2010/Ngô Công Chính.  
Bản đồ: @ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường (IMHEN).

# CÁC CUỘC ĐÀM PHÁN QUỐC TẾ VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU: NỖ LỰC CỦA VIỆT NAM

## Giới thiệu

Việt Nam đã có cam kết mạnh mẽ đối với vấn đề phát triển bền vững và ứng phó với những thách thức của biến đổi khí hậu. Trong khi phải đối mặt với nhiều hiểm họa và các biện pháp ứng phó đang được đặt lên hàng đầu, Việt Nam tham gia vào nỗ lực chung toàn cầu nhằm ngăn chặn tình trạng biến đổi khí hậu thông qua việc thúc đẩy các chính sách giảm thiểu quan trọng, đặc biệt kể từ Hội nghị các bên lần thứ 13 (COP13) của Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) tổ chức tại Bali năm 2007, quá trình triển khai Lộ trình Bali và các thỏa thuận tại hội nghị Copenhagen và Cancun. Việt Nam tham gia tích cực vào các hội nghị quốc tế về khí hậu. Ở cấp quốc gia, Việt Nam đã có nhiều chính sách cụ thể như Chương trình Mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu.

### **Những điểm chính trong tiến trình thay đổi vị trí của Việt Nam từ COP13 tới COP16**

Tại COP13, Việt Nam chú trọng đến thích ứng với biến đổi khí hậu và đảm bảo các nước đang phát triển nhận được sự hỗ trợ và nguồn tài chính đầy đủ để thực hiện các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu. Ở cấp độ quốc gia, cơ hội giảm thiểu biến đổi khí hậu chỉ được thể hiện qua Cơ chế phát triển sạch (CDM) và không hề có ưu đãi ở cấp độ quốc tế để hỗ trợ các nước giảm thiểu nạn phá rừng. Kể từ đó, các cuộc đàm phán quốc tế cũng như hành động của Việt Nam đã có những tiến triển rõ rệt.

Tại COP16, Việt Nam chú trọng vào 4 điểm chính sau:

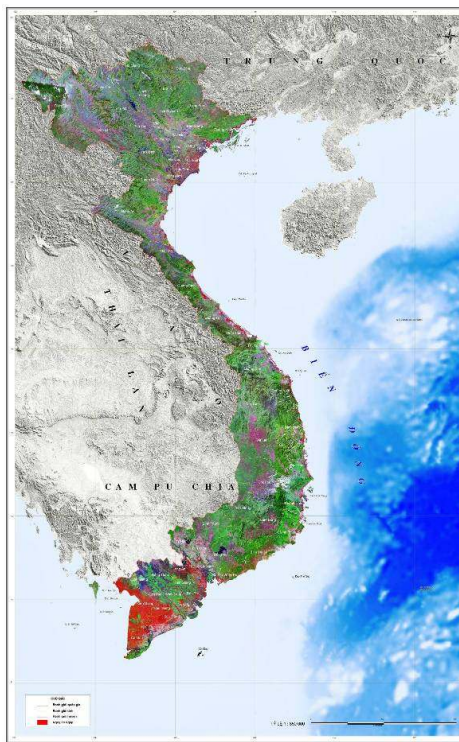
- (i) Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu và Nghị định thư Kyoto cần duy trì vai trò là những công cụ pháp lý chủ yếu trong cuộc chiến chống lại biến đổi khí hậu;
- (ii) Các nước phát triển cần đẩy mạnh cam kết nhằm hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu không quá 2°C so thời kỳ tiền công nghiệp;
- (iii) Các nước đang phát triển có thể tự nguyện xây dựng và triển khai Hành động giảm thiểu phù hợp với từng quốc gia (NAMAs), cần chú ý tới điều kiện từng quốc gia, đồng thời các nước phát triển cần hỗ trợ tài chính, chuyển giao công nghệ và tăng cường năng lực cho các nước này;
- (iv) Việc đồng thuận đối với sáng kiến Giảm phát thải khí nhà kính do mất rừng và suy thoái rừng (REDD+) là nền tảng cho việc giảm khí thải do phá rừng và cho những lợi ích liên quan khác, đặc biệt là bảo tồn đa dạng sinh học và sinh kế bền vững.

## Biến đổi khí hậu: Một ưu tiên của Chính phủ Việt Nam

### Khung pháp lý

Những năm vừa qua, các cơ quan hoạch định chính sách và các nhà lãnh đạo Việt Nam đã thay đổi nhận thức về vấn đề biến đổi khí hậu. Hiện nay, biến đổi khí hậu được coi là một trong những thách thức nghiêm trọng nhất mà Việt Nam đang phải đối mặt: Nghị quyết Đại hội lần thứ 11 của Đảng Cộng sản Việt Nam (được thông qua tháng 1/2011) khẳng định biến đổi khí hậu sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới Việt Nam. Nghị quyết cũng chỉ rõ ứng phó với biến đổi khí hậu là vấn đề cần được ưu tiên trong giai đoạn 2011 – 2015.

Chính phủ đang dần hoàn thiện khung pháp lý về biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, sản xuất sạch hơn và năng lượng. Chiến lược Quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai tới 2020 đã được phê chuẩn năm 2007; Chương trình Mục tiêu Quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu được ban hành năm 2008. Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu dự kiến sẽ được Thủ tướng Chính phủ ban hành trước cuối năm 2011. Chính phủ hiện đang xây dựng Chiến lược tăng trưởng xanh, bao gồm việc tăng trưởng ít carbon, cũng như việc xử lý các vấn đề môi trường khác. Hiện Chương trình Quốc gia về REDD+ đang được soạn thảo, đồng thời Việt Nam đã bắt đầu xây dựng NAMAs trong các ngành như nông nghiệp và công nghiệp.



**Bản đồ ngập lụt khi nước biển dâng 1.0m**

Mục đích của Chương trình Mục tiêu Quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu là xác định những tác động đối với các ngành, vùng, làm cơ sở xây dựng các kế hoạch hành động khả thi nhằm ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu trong ngắn và dài hạn. Các kế hoạch hành động sẽ góp phần vào phát triển bền vững bằng cách nắm bắt cơ hội phát triển một nền kinh tế các bon thấp và tham gia vào những nỗ lực toàn cầu trong việc giảm thiểu biến đổi khí hậu cũng như bảo vệ hệ thống khí hậu. Kinh phí thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia từ nguồn ngân sách Nhà nước là 50%, 50% còn lại từ các nhà tài trợ. Kể từ thời điểm triển khai vào đầu 2009, Chương trình đã mang lại nhiều kết quả, bao gồm việc xây dựng các Kịch bản biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng do Bộ Tài nguyên và Môi trường

chủ trì dựa trên 3 kịch bản phát thải khí nhà kính toàn cầu, các Chương trình hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của 5 trong số 9 Bộ ngành; và Kế hoạch hành động cấp tỉnh của 6 tỉnh, thành.

Việt Nam cũng đã xây dựng các cơ chế ra quyết định hiệu quả: Ban chỉ đạo quốc gia về biến đổi khí hậu do Thủ tướng chủ trì có chức năng hướng dẫn, giám sát việc thực hiện các chương trình và chính sách về biến đổi khí hậu; Ban chủ nhiệm Chương trình Mục tiêu Quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên & Môi trường chủ trì. Bộ Tài nguyên & Môi trường là cơ quan đầu mối cấp quốc gia tham gia vào Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu và Nghị định thư Kyoto.

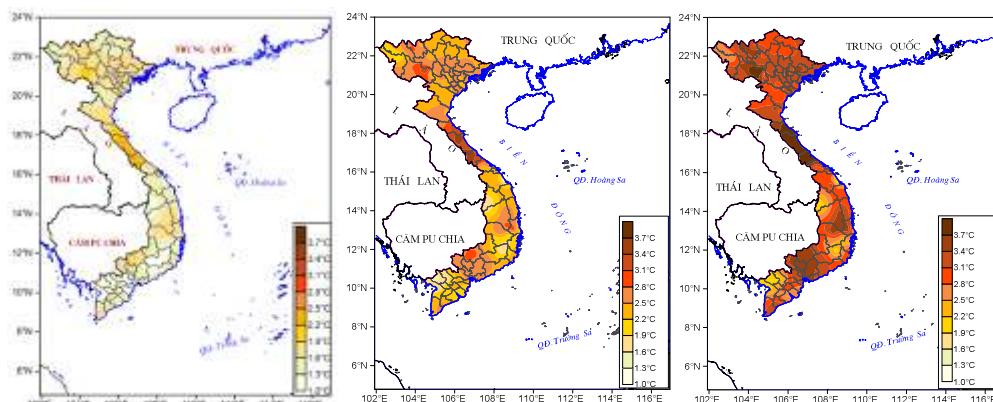
### **Hiểm họa và ưu tiên hành động đối với vấn đề biến đổi khí hậu của Việt Nam**

Theo báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường “*Các kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng của Việt Nam*” (2009), dự đoán vào cuối thế kỷ 21, nhiệt độ trung bình tại Việt Nam có khả năng tăng khoảng 2,3°C, tổng lượng mưa trong mùa mưa cũng tăng, trong khi lượng mưa vào mùa khô lại giảm; mực nước biển có thể dâng thêm từ 65cm tới 1m so với mức trung bình giai đoạn 1980-1999. Nếu không áp dụng biện pháp thích ứng nào và mực nước biển dâng thêm 1m (các tham số lập kế hoạch của Việt Nam), thì khoảng 40% đồng bằng sông Cửu Long (châu thổ sông Mekong), 9% đồng bằng sông Hồng và 3% các địa phương khác khu vực ven biển có thể chịu rủi ro ngập lụt cao hơn, và trên 20% thành phố Hồ Chí Minh có khả năng bị ngập.

Do đó, việc giảm bớt phát thải khí nhà kính là hết sức cần thiết đối với các nước phát triển có mức khí phát thải cao, và với cả Việt Nam. Về phía Việt Nam, các ưu tiên hành động đã được xác định rõ trong việc giảm phụ thuộc vào than đá và tăng cường hiệu quả sử dụng năng lượng (năm 2000 ngành năng lượng chiếm tới 1/3 tổng lượng khí phát thải). Bên cạnh đó, việc củng cố ngành lâm nghiệp cũng là một ưu tiên mặc dù từ năm 1992 diện tích rừng đã tăng lên, song nhiều vùng trên cả nước tình trạng phá rừng vẫn diễn ra ở mức độ cao.

**Chiến lược về biến đổi khí hậu** nhằm tạo một khung pháp lý để triển khai hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. Chiến lược dự đoán “*tới năm 2100, Việt Nam sẽ trở thành một quốc gia phát triển, văn minh, thịnh vượng, với một nền kinh tế carbon thấp, ứng phó thành công với biến đổi khí hậu và đóng vai trò quan trọng trong khu vực và trên thế giới.*” Mục tiêu cơ bản của Chiến lược là tăng cường năng lực ứng phó của con người cũng như các hệ thống tự

nhiên trước tình trạng biến đổi khí hậu; phát triển một nền kinh tế các bon thấp để bảo vệ và nâng cao chất lượng cuộc sống; đảm bảo an ninh quốc gia và phát triển bền vững trong bối cảnh khí hậu toàn cầu biến đổi; và hợp tác hiệu quả với cộng đồng quốc tế để bảo vệ hệ khí hậu toàn cầu.



**Bản đồ nguy cơ ngập khu vực đồng bằng sông Cửu Long ứng với mực nước biển dâng 1m**

**Chiến lược tăng trưởng xanh** (hiện đang xây dựng) sẽ đưa ra các chỉ tiêu giảm phát thải khí nhà kính tự nguyện của Việt Nam và giúp cải tạo các mô hình phát triển hiện nay hướng tới mục tiêu phát triển bền vững<sup>1</sup>. Việt Nam coi tăng trưởng xanh là một thành tố không thể thiếu của phát triển bền vững, và *Chiến lược tăng trưởng xanh* sẽ hỗ trợ quá trình triển khai Định hướng chiến lược phát triển bền vững (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam). Điều này đã được nêu trong dự thảo mục tiêu tới năm 2020 – duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế đồng thời giảm phát thải khí nhà kính, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường để hướng tới sự phát triển xanh và bền vững. Dự thảo Chiến lược tăng trưởng xanh đề ra 3 hướng hành động chiến lược: các lộ trình phát triển các bon thấp; sản xuất xanh và khôi phục tài nguyên thiên nhiên và khuyến khích lối sống xanh.

Hiện Chính phủ Việt Nam đang xây dựng Chương trình REDD+ với sự hỗ trợ của các dự án quốc tế, gồm cả Chương trình REDD của Liên Hợp Quốc về sự sẵn sàng hành động cho REDD+.

Mục tiêu của Chiến lược Quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai tới năm 2020 là nhằm *“huy động mọi nguồn lực để thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai từ nay tới 2020 nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản, hạn chế sự phá hoại tài nguyên thiên nhiên, môi trường và di sản văn hoá, góp phần quan trọng bảo đảm phát triển bền vững của đất nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh.”*

<sup>1</sup> Tham khảo Quyết định số 1/CP.16, Điều 48, nhấn mạnh mối liên hệ giữa NAMAs và phát triển bền vững

## **Thích ứng với biến đổi khí hậu (CCA) và giảm nhẹ rủi ro thảm họa (DRR)**

Bên cạnh công tác quản lý môi trường và giảm nghèo, cần chú ý tổng thể tới các nhóm chính sách về CCA và DRR nhằm giảm tình trạng dễ bị tổn thương về mặt kinh tế, xã hội của Việt Nam trước những hiểm họa về khí hậu. Biến đổi khí hậu sẽ đặt Việt Nam trước nguy cơ chịu thảm họa khí tượng-thủy văn lớn hơn, chủ yếu là thay đổi về lượng mưa và bão. Do đó, việc xây dựng kế hoạch dài hạn cần lồng ghép các hoạt động quản lý thảm họa.

Tất cả các Bộ là thành viên Ban chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương đã xây dựng kế hoạch hành động về quản lý rủi ro thảm họa. Phần lớn các kế hoạch phát triển ngành và Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội cấp quốc gia và địa phương giai đoạn 2011 – 2015, cũng như dự thảo Kế hoạch tổng thể giai đoạn 2011 – 2020 đã lồng ghép một số nội dung quản lý rủi ro thảm họa. Các biện pháp phi công trình cũng được chú trọng hơn, chẳng hạn tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức, đào tạo, lập bản đồ rủi ro, và thiết lập hệ thống cảnh báo sớm. Bên cạnh đó, Hội thảo quốc gia lần 2 về Giảm nhẹ rủi ro thảm họa và Thích ứng với biến đổi khí hậu được tổ chức vào tháng 3/2011 nhằm chuẩn bị cho việc thành lập Diễn đàn quốc gia về Giảm nhẹ rủi ro thảm họa và Thích ứng với biến đổi khí hậu (dự kiến tiến hành vào đầu năm 2012).

## **Sản xuất sạch hơn và sử dụng năng lượng hiệu quả**

**Sản xuất sạch hơn:** Năm 1999, Việt Nam đã thông qua Chiến lược quốc gia về sản xuất sạch hơn trong lĩnh vực công nghiệp tới 2020. Chiến lược đặt mục tiêu tới năm 2015, 25% cơ sở sản xuất công nghiệp sẽ áp dụng quy trình sản xuất sạch hơn và tiết kiệm từ 5-8% mức tiêu thụ năng lượng. Tới năm 2020, 50% cơ sở sản xuất công nghiệp sẽ áp dụng quy trình sản xuất sạch hơn và tiết kiệm từ 8-13% mức tiêu thụ năng lượng.



**Vẽ sản phẩm tại Làng gốm sứ Bát Tràng, nơi 95% số lò nung đã chuyển sang sử dụng khí ga**

**Sử dụng năng lượng hiệu quả:** Việt Nam đã bắt đầu triển khai Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng hiệu quả trong hai giai đoạn, 2006-2010 và 2011-2015. Mục tiêu của Chương trình là nhằm tiết kiệm năng lượng bằng cách giảm mức tiêu thụ năng lượng từ 5-8% đến năm 2015.

Năm 2010, Việt Nam thông qua Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Trong kế hoạch phát triển năng lượng của Bộ Công Thương, năng lượng tái tạo và năng lượng carbon thấp được đưa vào danh sách ưu tiên. Bộ Công Thương, cùng

với các địa phương liên quan, thường xuyên rà soát kế hoạch tổng thể về thủy điện để đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu về năng lượng, đủ nước tưới tiêu và sinh hoạt, đồng thời đảm bảo các biện pháp phòng chống lũ luôn sẵn sàng. Bộ Công Thương cũng đề xuất các sáng kiến phát triển năng lượng điện từ các nguồn tái tạo (năng lượng gió và năng lượng mặt trời) để tăng dần tỷ lệ năng lượng tái tạo.

**Các dự án triển khai có sự hỗ trợ từ các đối tác phát triển quốc tế:** Bao gồm Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu do Cơ quan phát triển quốc tế Nhật Bản (JICA) và Cơ quan phát triển Pháp khởi xướng, nhằm triển khai hiệu quả và thông suốt Chương trình Mục tiêu Quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu, Chương trình giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu (do Đan Mạch tài trợ); một loạt các sáng kiến trợ giúp kỹ thuật khác về Giảm nhẹ rủi ro thiên tai và Thích ứng với biến đổi khí hậu, Sản xuất sạch hơn và Sử dụng năng lượng hiệu quả do



**Tổng Giám đốc UNDP Helen Clark thăm Làng gốm sứ Bát Tràng, 2010.**

Chương trình Phát triển Liên hợp quốc, Quỹ môi trường toàn cầu, Ngân hàng Thế giới, Cơ quan phát triển quốc tế Nhật Bản, Ngân hàng Phát triển châu Á và các cơ quan, tổ chức khác hỗ trợ; Quỹ đầu tư khí hậu (Ngân hàng Thế giới phối hợp với Tổ chức Tài chính Quốc tế và Ngân hàng Phát triển châu Á); và một số dự án phi chính phủ ở cấp địa phương khác.

## KỶ VỌNG CỦA VIỆT NAM TỪ ĐÀM PHÁN QUỐC TẾ VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Việt Nam<sup>2</sup> là thành viên của nhóm G77 và Trung Quốc – tổ chức lớn nhất của các nước đang phát triển hiện nay và nhất trí với tất cả các đề xuất chính sách chung của Nhóm về những vấn đề đang được đàm phán. Việt Nam cũng là thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). ASEAN không phải là một nhóm đàm phán chính thức của UNFCCC, nhưng các quốc gia ASEAN hợp tác về biến đổi khí hậu và chia sẻ một số quan điểm tương tự.

---

<sup>2</sup> Việt Nam ký Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) năm 1992 và phê chuẩn năm 1994; Chính phủ ký Nghị định thư Kyoto năm 1998 và phê chuẩn Nghị định thư năm 2002. Việt Nam phê chuẩn Công ước Liên Hợp Quốc về chống sa mạc hóa (UNCCD) năm 1998 và năm 2011 Việt Nam ký Khung hành động Hyogo về giảm nhẹ thảm họa cho giai đoạn 2005-2015.



**Chia sẻ tầm nhìn chung về hoạt động hợp tác dài hạn:** Việt Nam mong muốn hội nghị Durban sẽ mang lại một kết quả nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu cơ bản của Công ước, đó là “ổn định nồng độ khí nhà kính trong khí quyển ở mức có thể ngăn ngừa sự can thiệp nguy hiểm của con người đối với hệ thống khí hậu”<sup>3</sup> tới năm 2050, dựa trên “các nguyên tắc bình đẳng và trách nhiệm chung nhưng có phân biệt và theo điều kiện của từng nước”. Bên cạnh đó, các nước phát triển cần hỗ trợ tài chính, công nghệ và xây dựng năng lực cho các nước đang phát triển.

**Giảm nhẹ phát thải nhà kính ở các nước phát triển:** Việt Nam cho rằng các mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của các nước phát triển cần có cơ chế giám sát, báo cáo, và kiểm tra (MRV); đồng thời cần có một khung tính toán phổ quát và có tính đối chiếu cho các loại khí nhà kính, và một mẫu báo cáo chuẩn.

**Giảm nhẹ phát thải nhà kính ở các nước đang phát triển:** Việt Nam cho rằng nếu không có sự hỗ trợ thỏa đáng về tài chính, các nước đang phát triển sẽ phải đối mặt với những khó khăn nghiêm trọng trong việc triển khai hiệu quả thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. Việt Nam hiện đang thực hiện các giải pháp ứng phó bằng nguồn nhân lực và tài chính huy động trong nước, và sẵn sàng đăng ký những hành động này; tuy nhiên Việt Nam sẽ không áp dụng MRV. Việt Nam mong muốn có sự đồng thuận và hướng dẫn chi tiết hơn đối với những NAMAs được cộng đồng quốc tế hỗ trợ. NAMAs theo chương trình và lĩnh vực nên được thúc đẩy, khuyến khích sự tham gia của khối tư nhân với những quy trình kỹ thuật rõ ràng.



**REDD+:** Việt Nam hy vọng hội nghị tại Durban sẽ đạt được đồng thuận về sự hỗ trợ tài chính cho chương trình REDD+, đặc biệt là việc sử dụng Quỹ khí hậu xanh. Dựa trên kinh nghiệm tái tạo rừng trong Cơ chế phát triển sạch (CDM), Việt Nam băn khoăn liệu một cơ chế thị trường bù trừ có thể là nguồn cung tài chính chủ yếu cho chương trình REDD+ hay không, bởi thị trường sẽ quyết định tính bền vững của chương trình trong khi đó khả năng rò rỉ là rất lớn. Ngoài ra, cơ chế bù trừ đó không đồng nghĩa với việc giảm ròng lượng phát thải khí nhà kính toàn cầu.

---

<sup>3</sup> Kết quả làm việc của Nhóm công tác đặc biệt về hành động hợp tác dài hạn theo Công ước khung, Hội nghị các bên COP16, xem thêm tại website <http://unfccc.int/resource/docs/2010/cop16/eng/07a01.pdf#page=2>

**Các biện pháp khác, bao gồm cơ hội sử dụng thị trường để tăng hiệu quả chi phí và thúc đẩy các hoạt động giảm thiểu, có tính đến điều kiện khác biệt giữa các nước phát triển và đang phát triển:** Việt Nam cho rằng Cơ chế phát triển sạch cần phải được xem xét lại và đơn giản hóa để có thể áp dụng cho và đáp ứng được nhu cầu của các quốc gia không được nêu trong Phụ lục 1. Hạn chế chủ yếu liên quan tới phương thức đo lường các mức bù trừ các bon. Việt Nam đã được công nhận là một đối tác trong chương trình Quan hệ đối tác vì sự sẵn sàng của thị trường do Ngân hàng Thế giới chủ trì.

**Tài chính:** Là một thành viên nhóm G77 và Trung Quốc, Việt Nam "tái khẳng định yêu cầu cần tăng cường hành động và sự cấp bách của việc cung cấp các nguồn lực và đầu tư để hỗ trợ hoạt động giảm thiểu, thích ứng và hợp tác về công nghệ cho các bên tham gia là những quốc gia đang phát triển."<sup>4</sup> Các nước phát triển cần có hành động kịp thời đối với cả nguồn tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Việt Nam hài lòng với tiến độ mà Ủy ban lâm thời về Quỹ khí hậu xanh đạt được và cho rằng hoạt động của quỹ cần được ưu tiên. Những cơ hội hỗ trợ tài chính để đáp ứng nhu cầu của các quốc gia không thuộc Phụ lục 1 cần mang tính dài hạn, có thể nhân rộng, là những cơ hội mới, bổ sung thêm, có thể dự báo được và thỏa đáng; đồng thời cần là những cơ hội mở, có khả năng hỗ trợ các quan hệ đối tác nhà nước tư nhân. Việt Nam cũng cho rằng hỗ trợ tài chính dài hạn cần bao gồm việc cấp vốn ban đầu cho Quỹ khí hậu xanh để quỹ này đi vào hoạt động vào thời điểm tiến hành Hội nghị các bên COP17 tại Durban.

#### **Chuyển giao công nghệ và xây dựng**

**năng lực:** Nhóm G77 và Trung Quốc ghi nhận việc thành lập một Ủy ban điều hành về công nghệ và một Trung tâm và mạng lưới công nghệ về khí hậu theo những thỏa thuận tại hội nghị Cancun. Nhóm cũng nhấn mạnh khoản 114 và 115 trong Quyết định số 1/CP.16, theo đó nêu rõ những nhu cầu về công nghệ phải "do từng quốc gia quyết định, căn cứ theo điều kiện và ưu tiên của từng quốc



---

<sup>4</sup> Nguồn: Dự thảo Quyết định về Ủy ban thường vụ phụ trách cơ chế tài chính của Công ước ([http://unfccc.int/files/meetings/ad\\_hoc\\_working\\_groups/lca/application/pdf/lca\\_finance\\_g77\\_a\\_mended\\_version\\_draft\\_decision\\_on\\_the\\_standing\\_committee\\_rev8june15.pdf](http://unfccc.int/files/meetings/ad_hoc_working_groups/lca/application/pdf/lca_finance_g77_a_mended_version_draft_decision_on_the_standing_committee_rev8june15.pdf))

2gia”<sup>5</sup>, đồng thời chỉ ra “*yêu cầu cần đẩy mạnh hành động nhất quán với những nghĩa vụ quốc tế, vào những giai đoạn khác nhau của chu kỳ công nghệ.*”<sup>6</sup> Chính phủ Việt Nam cho rằng cần có ít nhất một trung tâm công nghệ đặt tại một trong các quốc gia thành viên ASEAN và có thể tại Việt Nam phục vụ cho phát triển công nghệ liên quan tới thích ứng với biến đổi khí hậu.

Đối với Ủy ban điều hành về công nghệ, Việt Nam cho rằng vai trò và chức năng của các thành viên Ủy ban cần được xác định rõ và Ủy ban cần có ít nhất một đại diện từ khối ASEAN. Đồng thời cũng cần tiến hành đào tạo về cách thức tiếp cận với Quỹ khí hậu và không nên coi quyền sở hữu trí tuệ là rào cản đối với việc chuyển giao công nghệ liên quan tới khí hậu.

**Tăng cường hành động đối với việc thích ứng:** Việt Nam ý thức được mình là “*quốc gia đặc biệt dễ bị tổn thương trước những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu*” do từ hơn hai thập kỷ qua, trung bình hàng năm thiên tai liên quan tới khí hậu gây thiệt hại ước tính 1,3% GDP và cướp đi sinh mạng của khoảng 450 người. Do đó, việc xây dựng và triển khai khung hành động thích ứng được coi là ưu tiên quốc gia. Tiến bộ đạt được thông qua Khung thích ứng và Ủy ban thích ứng đã có tác dụng khích lệ lớn đối với Việt Nam. Việt Nam mong muốn các cơ quan này sẽ hoạt động hiệu quả tại Hội nghị Durban – điều này đòi hỏi cần có sự thống nhất của các bên về quy định cũng như cơ cấu tổ chức. Việt Nam hoan nghênh sự tham gia của đại diện khối ASEAN vào Ủy ban thích ứng.



---

<sup>5</sup> Kết quả làm việc của Nhóm công tác đặc biệt về hành động hợp tác dài hạn theo Công ước, COP16 (Phần B, Điều 114)

<sup>6</sup> Kết quả làm việc của Nhóm công tác đặc biệt về hành động hợp tác dài hạn theo Công ước, COP16 (Phần B, Điều 115)

<sup>7</sup> Lời mở đầu Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu; Điều 3.2, Điều 4.4

**Những cam kết khác của các bên thuộc Phụ lục 1 theo Nghị định thư Kyoto:** Việt Nam chia sẻ quan ngại chung của Nhóm G77 và Trung Quốc trước diễn biến thiếu khả quan của Nhóm Công tác Đặc biệt về cam kết tiếp theo của các bên thuộc Phụ lục 1 (AWG-KP) theo Nghị định thư Kyoto. Nhóm Công tác nhất trí rằng quyết tâm chính trị là hết sức quan trọng để đạt được thành công trong việc hình thành giai đoạn cam kết thứ hai. Các nước phát triển cần phải bù đắp sự thiếu hụt giữa lượng cắt giảm phát thải theo yêu cầu của khoa học, bình đẳng và trách nhiệm lịch sử so với mức cam kết của họ.

Nghị định thư Kyoto là nền tảng cơ bản của cuộc chiến chống biến đổi khí hậu, và việc hình thành những mục tiêu chung cho các quốc gia phát triển trong Giai đoạn cam kết thứ hai cũng là một yêu cầu cần thiết nhằm đạt được thành công tại hội nghị Durban. Nhóm G77 và Trung Quốc đề nghị các Nhóm Công tác Đặc biệt về cam kết tiếp theo của các bên thuộc Phụ lục 1 và Nhóm Công tác Đặc biệt về Hành động hợp tác dài hạn theo Công ước cần đạt được tiến bộ tương xứng.

## KẾT LUẬN

Theo phát biểu của Phó Thủ tướng Chính phủ Việt Nam tại Hội nghị các bên COP14 tổ chức tại Poznan năm 2008, Việt Nam chỉ đóng góp 0,1% tổng GDP toàn thế giới và 0,4% tổng lượng phát thải khí nhà kính toàn cầu. Tuy nhiên, Việt Nam sẵn sàng tham gia tích cực vào cuộc chiến chống biến đổi khí hậu phù hợp với các nguyên tắc trách nhiệm chung nhưng có phân biệt. Việt Nam cũng là một trong những quốc gia sẽ chịu ảnh hưởng nghiêm trọng nhất của tình trạng biến đổi khí hậu.

Việt Nam đã tiến hành những bước quan trọng, cả ở cấp quốc gia và quốc tế, trong việc xây dựng nền tảng cho hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và hướng tới một nền kinh tế các bon thấp. Việt Nam hoan nghênh những tiến bộ đạt được trên phạm vi quốc tế về những bình diện tài chính và chương trình REDD+, những yếu tố mang lại cơ hội mới cho Việt Nam.

Việt Nam tin tưởng vào hướng tiếp cận tích cực và chủ động để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và tầm quan trọng của việc nắm bắt cơ hội cho sự phát triển đất nước.

Việt Nam khẳng định việc sẵn sàng hợp tác với các quốc gia có chung quan điểm về mục tiêu toàn cầu này, như lời phát biểu của Thủ tướng Việt Nam tại Hội nghị các bên COP15 tại Copenhagen, *"trái đất là ngôi nhà chung của chúng ta."*<sup>8</sup>

---

<sup>8</sup> Nguồn: Bài phát biểu của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tại Hội nghị các bên COP15 tại Copenhagen năm 2009